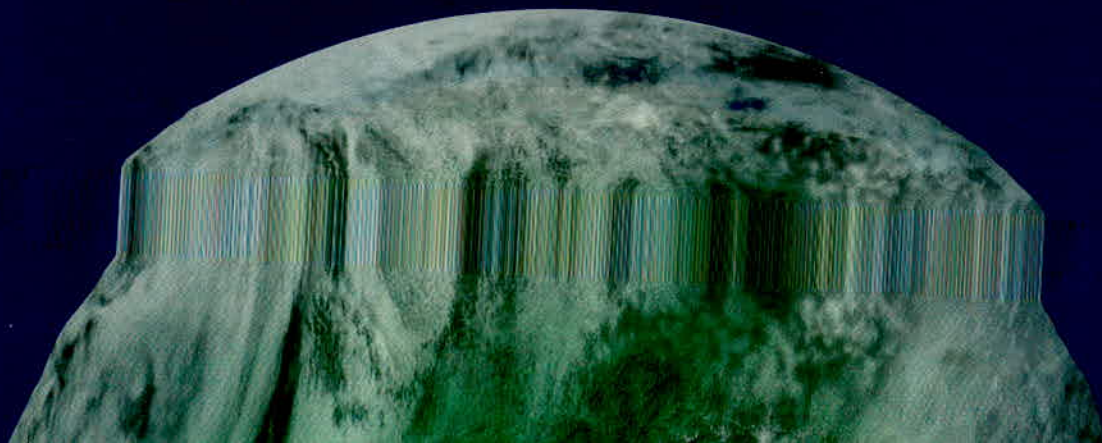
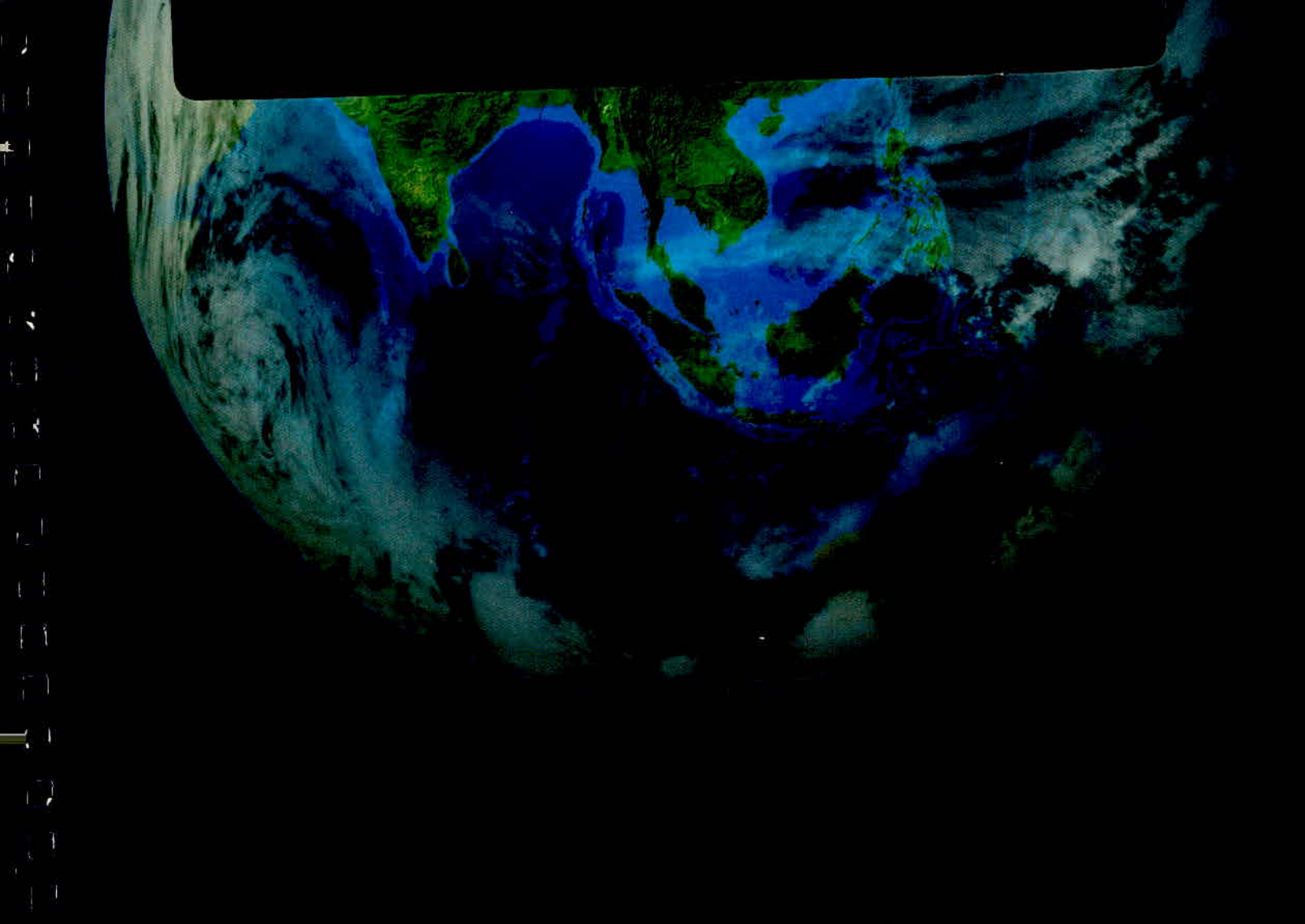


EPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision





member of

MOORE STEPHENS
INTERNATIONAL LIMITED

Member in principal cities throughout the world

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11- 12
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13-14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 - 73

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Ninh Mạnh Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên
Ông Vũ Quang Bảo	Thành viên
Ông Trịnh Hùng Lâm	Thành viên
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Các thành viên Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Hiệp	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Đào Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/6/2019)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11/6/2019)
Ông Phạm Văn Toán	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/7/2019)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Nguyễn Hồng Hải
Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 60/UQ-TCT ngày 28/6/2019 của Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Số: 741/2019/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP, được lập ngày 29/8/2019 từ trang 07 đến trang 73, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ngày 13/12/2018 với kết luận ngoại trừ phần điều chỉnh giá trị đầu tư vào 05 công ty liên kết của Tổng công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.273.808.519.442	3.555.355.937.007
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	577.221.232.565	742.830.344.143
1. Tiền	111		192.193.105.570	292.526.991.100
2. Các khoản tương đương tiền	112		385.028.126.995	450.303.353.043
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.254.562.451.922	1.533.062.296.507
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.254.562.451.922	1.533.062.296.507
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		938.506.856.544	826.103.615.364
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	482.699.310.861	499.686.631.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		172.155.736.581	103.511.128.609
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	196.838.686.665	124.237.790.667
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	96.618.355.342	111.033.667.128
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(17.868.545.665)	(20.428.915.650)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	8.063.312.760	8.063.312.760
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	449.978.314.787	386.374.875.733
1. Hàng tồn kho	141		450.284.225.966	386.707.557.600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(305.911.179)	(332.681.867)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		53.539.663.624	66.984.805.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	5.467.846.790	9.824.639.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.460.467.397	53.570.252.351
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.18	1.611.349.437	3.589.912.976

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.817.100.983.801	10.338.911.479.252
I Các khoản phải thu dài hạn	210		37.869.759.679	27.353.668.099
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	10.108.845.409	9.924.813.969
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		648.926.111	648.926.111
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	32.062.837.750	21.730.777.610
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(4.950.849.591)	(4.950.849.591)
II Tài sản cố định	220		6.241.969.853.753	6.398.712.414.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	4.208.063.398.885	4.350.697.364.683
- Nguyên giá	222		7.149.326.964.090	7.118.675.228.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.941.263.565.205)	(2.767.977.863.863)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.033.906.454.868	2.048.015.049.826
- Nguyên giá	228		2.397.481.601.336	2.385.930.761.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(363.575.146.468)	(337.915.712.084)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	135.964.408.473	139.364.297.465
1. Nguyên giá	231		164.020.056.397	164.020.056.397
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.055.647.924)	(24.655.758.932)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.008.955.906.938	2.385.506.896.048
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	3.008.955.906.938	2.385.506.896.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		921.878.859.121	891.973.303.561
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.14	818.254.549.337	795.488.631.507
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.15	104.142.259.784	104.142.259.784
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.15	(1.357.950.000)	(8.497.587.730)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		470.462.195.837	496.000.899.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	433.047.641.922	453.993.886.685
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		8.417.463.924	8.417.463.924
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.471.318.848	10.537.552.012
5. Lợi thế thương mại	269	5.16	18.525.771.143	23.051.996.949
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		14.090.909.503.243	13.894.267.416.259

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

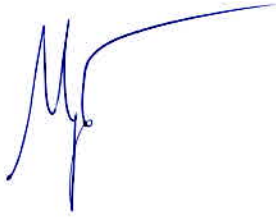
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		9.993.803.846.041	9.686.859.226.723
I- Nợ ngắn hạn	310		1.686.437.789.364	1.541.844.438.027
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.17	241.668.547.069	245.164.408.640
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.634.408.711	118.606.167.167
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	41.846.916.497	53.543.869.725
4. Phải trả người lao động	314		27.124.146.050	42.011.756.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	20.768.280.411	28.562.376.482
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.22	190.624.097.900	144.114.522.195
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	497.014.948.767	353.179.139.340
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	446.866.783.470	504.886.232.288
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.23	14.913.578.774	23.664.403.455
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		54.976.081.715	28.111.562.244
II- Nợ dài hạn	330		8.307.366.056.677	8.145.014.788.696
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.17	295.079.246	295.079.246
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		22.906.295.428	3.015.493
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.19	1.143.116.899	1.143.116.899
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.22	5.662.756.676.711	5.441.527.144.501
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	135.457.989.410	156.354.680.532
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.21	2.292.937.150.621	2.377.031.311.005
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		16.525.669.117	12.272.176.585
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.23	175.344.079.245	156.388.264.435
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		4.097.105.657.202	4.207.408.189.536
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.24	4.097.105.657.202	4.207.408.189.536
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.896.673.847	42.657.878.636
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.748.559.983	2.748.559.983
6. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(61.381.220.347)	(59.296.653.028)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		210.707.521.204	173.493.895.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		174.417.786.805	314.787.661.526
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.955.343.406	82.175.317.163
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		128.462.443.399	232.612.344.363
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	5.25	728.716.335.710	733.016.846.737
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		14.090.909.503.243	13.894.267.416.259

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Mai Xuân Ngợi

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Hồng Hải

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Mẫu B 02a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

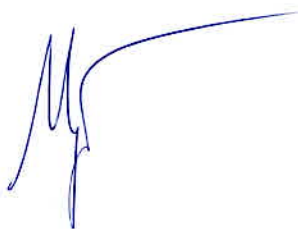
CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.26	2.289.636.503.245	1.612.752.872.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.26	449.253.627	16.764.471
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.26	2.289.187.249.618	1.612.736.108.472
4. Giá vốn hàng bán	11	5.27	1.922.246.531.988	1.334.379.693.593
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		366.940.717.630	278.356.414.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.28	66.492.835.593	53.219.867.344
7. Chi phí tài chính	22	5.29	97.204.739.993	84.311.859.828
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>105.287.899.359</i>	<i>84.311.859.828</i>
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		8.663.913.022	10.889.042.776
9. Chi phí bán hàng	25	5.30	43.197.683.006	27.154.092.286
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.31	89.313.330.783	63.122.721.928
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		212.381.712.463	167.876.650.957
12. Thu nhập khác	31	5.32	10.593.588.892	3.234.775.472
13. Chi phí khác	32	5.32	6.223.384.014	1.100.051.609
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.370.204.878	2.134.723.863
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		216.751.917.341	170.011.374.820
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.33	29.238.508.607	18.352.016.670
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.253.492.532	(2.177.808.556)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		183.259.916.202	153.837.166.706
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		128.462.443.399	96.588.602.225
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.797.472.803	57.248.564.481
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.34	428	322

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Mai Xuân Ngợi

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Hồng Hải

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	216.751.917.341	170.011.374.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí phân bổ	02	208.104.055.093	145.132.375.147
- Các khoản dự phòng	03	478.211.726	(1.726.803.944)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(66.500.971.049)	(55.785.972.062)
- Chi phí lãi vay	06	105.287.899.359	84.311.859.828
3. Lợi nhuận từ HDKD trước thay đổi vốn lưu động	08	464.121.112.470	341.942.833.789
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(853.923.863)	96.535.311.304
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(63.510.435.202)	37.986.660.332
- Thay đổi các khoản phải trả	11	233.088.331.626	(604.751.087.561)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	25.303.037.906	18.401.657.625
- Tiền lãi vay đã trả	14	(92.093.885.436)	(84.311.859.828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.204.207.259)	(23.050.340.608)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	105.560.000	8.750.386.155
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.777.550.766)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	507.178.039.476	(208.496.438.792)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(667.072.179.065)	(604.820.413.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	195.924.092	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(414.565.497.802)	(114.234.308.179)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	620.464.446.389	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.765.917.830)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.677.041.172	55.230.640.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(455.066.183.044)	(663.824.080.572)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(2.845.772.108)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	459.836.178.400	46.237.499.149
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(601.949.787.602)	(192.109.934.880)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.761.586.700)	(61.801.041.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(217.720.968.010)	(207.673.477.455)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(165.609.111.578)	(1.079.993.996.819)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	742.830.344.143	1.947.027.640.033
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	577.221.232.565	867.033.643.214

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Mai Xuân Ngợi

Trần Thị Ngọc



Nguyễn Hồng Hải

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là “IDICO”) trước đây là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ-BXD ngày 06/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Ngày 21/12/2006, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1768/QĐ-BXD về việc chuyển Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302177966 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Tên tiếng Anh: IDICO CORPORATION - JSC

Tên viết tắt: IDICO

Vốn điều lệ của IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

Sở hữu vốn tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2019:

Cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Thành tiền
Bộ Xây dựng	36,0%	108.000.000	1.080.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	22,5%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,5%	67.500.000	675.000.000.000
Các cổ đông khác	19,0%	57.000.000	570.000.000.000
Cộng		300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu của Tổng công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 24/11/2017 với mã chứng khoán là IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tổng số lao động của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2019: 1.496 người (tại ngày 31/12/2018: 1.608 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, giao thông, sản xuất kinh doanh điện và xây lắp.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

1.3 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/6/2019, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Bên liên quan	Tên giao dịch	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/6/2019	Tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/6/2019
A.	Các công ty con				
1	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	IDICO - ICC	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Xây lắp, kinh doanh điện	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Kinh doanh điện, nước sạch	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây lắp	47,50%	61,78%
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Đầu tư, xây lắp	51,00%	51,00%
7	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Đầu tư, xây lắp, du lịch, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
8	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Tư vấn đầu tư xây dựng	60,40%	70,40%
9	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	Kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
10	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Đầu tư, xây lắp	96,83%	96,83%
11	Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	39,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Sản xuất, kinh doanh và thi công xây dựng	93,26%	93,26%
B.	Các công ty liên doanh, liên kết				
1	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mí	DAK MI JSC	Sản xuất điện	26,00%	26,00%
2	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	PFG	Sản xuất kính	30,00%	30,00%
3	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Giao thông, vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Gia công cơ khí, lắp đặt thiết bị	20,13%	30,13%
5	Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	SONG HONG 1, JSC	Thi công các công trình dân dụng và kinh doanh dự án	34,85%	34,85%
6	Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp và đô thị Thu thừa IDICO - CONAC	IDTT	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	30,00%	30,00%
C.	Các đơn vị trực thuộc				
1	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP - Nhà máy Thủy điện Đak Mí 3	IDICO - DAK MI 3	Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mí 3		
2	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Xây lắp công trình dân dụng		
3	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	IDICO - IEB	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp		

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019. Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu cho kỳ kế toán 4 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần từng Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu thuộc cổ đông không kiểm soát của Tổng công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá - tài khoản 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tổng công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng năm 2019 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	08-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	08-10
Hệ thống đường giao thông, thoát nước khu công nghiệp	05-20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ II, Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Khu công nghiệp Kim Hoa, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Khu công nghiệp Quế Võ II. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước tại Tổng công ty bao gồm: công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại, giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Tổng công ty được đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và theo Quyết định số 1144/QĐ-BXD ngày 04/11/2016 của Bộ Xây dựng về việc quyết định giá trị doanh nghiệp.

Giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ không quá 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập với , gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên cho thuê được bên cho thuê chấp thuận thanh toán. Tiền thuê đất được trả trước và được phân bổ vào doanh thu hàng năm theo thời gian cho thuê.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ II có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành (thuế suất năm 2018 là 20%) tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Văn bản số 7128/CT-THNVDT ngày 22/11/2010 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ II được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và giảm 50% trong bảy năm tiếp theo.
- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân A có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2004 - 2018) và mức thuế suất 15% cho các năm tiếp theo (từ năm 2019) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2193 BKH/DN ngày 11/4/2001. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH/PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân A được miễn 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2006 - 2009) và giảm 50% trong tám năm tiếp theo (2010 - 2017).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2004 - 2018) và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 7905/BKH/PTDN ngày 08/12/2004 và số 8751/BKH/PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 được miễn 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007) và giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221001111, chứng nhận lần đầu ngày 15/4/2014 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 áp dụng bằng 10% trong 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2004 (2004 - 2018), dự án được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).
- Hoạt động tại Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031) và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000113 chứng nhận lần đầu ngày 19/6/2008 và thay đổi lần thứ 01 ngày 5/6/2015 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng được miễn 03 năm (từ 2017 - 2020) kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (2020 - 2026).
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Hoạt động tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000120 ngày 21/7/2008 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.
- Hoạt động tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 và Khu công nghiệp Quế Võ II có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	16.655.952.015	15.226.566.346
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	175.537.153.555	277.300.424.754
Các khoản tương đương tiền (*)	385.028.126.995	450.303.353.043
Cộng	577.221.232.565	742.830.344.143

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn dưới 03 tháng với lãi suất bình quân từ 4,5%/ năm đến 5,5%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 5,5%/năm đến 7,5%/năm.

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND (trình bày lại)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	482.699.310.861	499.686.631.850
Công ty Mua bán điện (*)	64.517.638.931	112.061.062.784
Công ty cổ phần Dệt Texhong Nhơn Trạch	15.855.291.283	16.026.822.614
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	17.160.543.885	9.988.419.710
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội	6.421.975.824	7.851.078.950
Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai	5.311.963.351	5.311.963.351
Công ty cổ phần Thủy điện Dakrinh	7.122.922.361	7.122.922.361
Công ty TNHH Dịch vụ kho vận PTL	6.589.346.032	-
Ban quản lý Đầu tư dự án vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh	31.019.982.734	4.520.304.661
Công ty TNHH May Thiên Kim	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Huyện Hóc Môn	4.291.574.136	4.291.574.136
Ban quản lý Dự án nâng cấp đô thị thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	5.972.877.782	14.240.366.782
Các đối tượng còn lại	307.897.450.942	307.734.372.901
b) Phải thu khách hàng dài hạn	10.108.845.409	9.924.813.969
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	10.108.845.409	9.924.813.969
Cộng	492.808.156.270	509.611.445.819
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	6.421.359.074	2.114.780.629

(*) Là khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh điện tại IDICO - DAK MI 3 và IDICO - SHP.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
DAK MI JSC (*)	196.838.686.665	124.237.790.667
Công ty TNHH TSUKI VINA	-	5.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	196.838.686.665	124.237.790.667
Phải thu cho vay các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	196.838.686.665	119.237.790.667

(*) Theo hợp đồng vay vốn số 22/2018/HĐVV ngày 22/6/2018 giữa IDICO với Công ty cổ phần thủy điện Đak Mi với số tiền cho vay là 97.802.966.431 đồng. Hợp đồng số 01/2019/HĐVV ngày 02/5/2019 với số tiền cho vay là 40.000.000.000 đồng và Hợp đồng số 02/2019/HĐVV ngày 07/5/2019 với số tiền cho vay là 60.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.5 PHẢI THU KHÁC

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 VND (trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	96.618.355.342	3.428.239.322	111.033.667.128	2.628.707.845
- Tạm ứng	26.690.364.249	2.770.786.671	12.791.068.751	2.481.116.839
- Ký cược, ký quỹ	397.366.008	-	529.766.008	-
- Phải thu khác (*)	69.530.625.085	657.452.651	97.712.832.369	147.591.005
b) Dài hạn	32.062.837.750	270.417.403	21.730.777.610	270.417.403
- Tạm ứng	51.622.896	51.622.896	51.622.896	51.622.896
- Ký cược, ký quỹ	10.573.247.195	-	935.914.634	-
- Phải thu khác (**)	21.437.967.659	218.794.507	20.743.240.080	218.794.507
Cộng	128.681.193.092	3.698.656.725	132.764.444.738	2.899.125.248

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 VND (trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn (*)	69.530.625.085	657.452.651	97.712.832.369	147.591.005
Lãi dự thu của các ngân hàng	37.815.794.421	-	17.625.506.848	-
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng Đức Hòa	17.821.857.544	-	37.063.199.520	-
DAK MI JSC	13.225.540.515	-	6.963.058.399	-
Các đối tượng khác	667.432.605	657.452.651	36.061.067.602	147.591.005
Dài hạn (**)	21.437.967.659	218.794.507	20.743.240.080	218.794.507
Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng khai thác mỏ đá Tăng Xi	20.088.889.066	-	20.088.889.066	-
Phải thu dài hạn khác	1.349.078.593	218.794.507	654.351.014	218.794.507
Cộng	90.968.592.744	876.247.158	118.456.072.449	366.385.512

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn	22.018.732.848	4.150.187.183	30.308.305.391	9.879.389.741
Công ty TNHH Kho vận Cảng Bàn Thạch	-	-	5.003.429.502	3.405.696.903
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	2.934.706.179	1.485.907.395	2.947.847.876	1.483.974.000
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt	-	-	2.111.106.542	1.477.774.579
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	2.060.857.976	1.030.428.988	2.060.857.976	1.030.428.988
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	2.343.489.717	1.320.543.400	2.045.892.635	1.432.124.844
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	356.168.000	249.317.600	356.168.000	249.317.600
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng đô thị Việt Nam	-	-	493.614.816	-
Công ty cổ phần Thép Quatron	632.774.054	-	632.774.054	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-
Công ty TNHH-MTV Đại Tân Lợi	227.593.648	-	227.593.648	-
Công ty cổ phần COSEVCO 9	73.462.796	-	73.462.796	-
Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 889	93.106.200	-	93.106.200	-
Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung	425.738.260	-	425.738.260	-
Công ty TNHH Hồng Anh	613.158.228	-	613.158.228	-
Các đối tượng còn lại	9.910.750.271	63.989.800	10.876.627.339	800.072.827
Dài hạn	4.950.849.591	-	4.950.849.591	-
Công ty TNHH Phương Nga	3.944.304.715	-	3.944.304.715	-
Các đối tượng còn lại	1.006.544.876	-	1.006.544.876	-
Cộng	26.969.582.439	4.150.187.183	35.259.154.982	9.879.389.741

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.6 NỢ XẤU (TIẾP THEO)

	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 năm - dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm - dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	-	-	-	2.934.706.179
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	-	-	-	2.060.857.976
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	-	-	-	2.343.489.717
Công ty cổ phần Thép Quatron	-	-	-	632.774.054
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	-	-	-	901.100.912
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	-	-	-	810.510.797
Công ty TNHH Phương Nga	-	-	-	3.944.304.715
Các đối tượng còn lại	-	-	-	13.341.838.089
Cộng				26.969.582.439

5.7 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền	-	148.322.234	-	148.322.234
- Hàng tồn kho	-	7.857.990.526	-	7.857.990.526
- Tài sản khác	-	57.000.000	-	57.000.000
Cộng	-	8.063.312.760	-	8.063.312.760

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.8 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.779.989.461	(52.197.000)	16.455.281.385	(52.197.000)
Công cụ, dụng cụ	175.333.751	-	248.805.118	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	346.574.493.078	-	267.890.123.742	-
Thành phẩm	87.987.809.777	(253.714.179)	100.092.595.330	(280.484.867)
Hàng hóa	1.766.599.899	-	2.020.752.025	-
Cộng	450.284.225.966	(305.911.179)	386.707.557.600	(332.681.867)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND (trình bày lại)
a) Ngắn hạn	5.467.846.790	9.824.639.933
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.130.796.408	2.055.888.429
Chi phí tiếp thị dự án khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	3.028.387.052	7.028.961.358
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.308.663.330	739.790.146
b) Dài hạn	433.047.641.922	453.993.886.685
Chi phí trả trước tiền thuê đất	355.707.430.211	357.422.061.775
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (i)</i>	<i>84.824.213.123</i>	<i>84.824.213.123</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ II (i)</i>	<i>81.073.158.548</i>	<i>81.073.158.548</i>
<i>Khu công nghiệp Kim Hoa (ii)</i>	<i>71.822.655.968</i>	<i>73.053.901.498</i>
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (ii)</i>	<i>59.474.912.572</i>	<i>59.958.298.606</i>
<i>Khu công nghiệp Quế Võ II (iii)</i>	<i>58.512.490.000</i>	<i>58.512.490.000</i>
Giá trị lợi thế kinh doanh (iv)	42.140.019.465	54.701.358.008
Chi phí sửa chữa	9.426.982.056	13.606.602.455
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	5.618.109.312	9.506.238.364
Chi phí xúc tiến đầu tư khu công nghiệp	4.883.575.540	4.590.774.563
Chi phí trả trước ngắn dài khác	15.271.525.338	14.166.851.520
Cộng	438.515.488.712	463.818.526.618

(i) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 (Đồng Nai) và tiền thuê đất Khu công nghiệp Phú Mỹ II sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055 (Bà Rịa Vũng Tàu) phản ánh tiền thuê đất phải nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2019, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Kim Hoa được phân bổ từ năm 2003-2053 (Vĩnh Phúc) và tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 được phân bổ từ năm 1998-2048 (Đồng Nai). Tại ngày 30/6/2019, Công ty TNHH MTV phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO (IDICO-URBIZ) đang phân bổ theo thời hạn thuê đất của 02 Khu công nghiệp.

(iii) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Quế Võ II (Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp.

(iv) Giá trị lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của công ty mẹ - Tổng công ty IDICO; IDICO-URBIZ và IDICO - ICC tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 03 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/3/2018)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	5.659.118.254.387	1.275.413.036.093	153.220.188.124	8.884.864.603	22.038.885.339	7.118.675.228.546
Tăng trong kỳ	26.477.514.200	1.972.373.442	2.256.243.637	67.748.900	1.298.448.570	32.072.328.749
Mua trong kỳ	254.908.013	863.832.409	2.256.243.637	67.748.900	-	3.442.732.959
Đầu tư XD CB hoàn thành	26.222.606.187	1.108.541.033	-	-	1.298.448.570	28.629.595.790
Giảm trong kỳ	-	-	1.388.946.145	31.647.060	-	1.420.593.205
Thanh lý nhượng bán	-	-	751.154.546	-	-	751.154.546
Giảm khác	-	-	637.791.599	31.647.060	-	669.438.659
Số dư tại 30/6/2019	5.685.595.768.587	1.277.385.409.535	154.087.485.616	8.920.966.443	23.337.333.909	7.149.326.964.090
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	2.008.340.182.687	637.221.798.008	103.546.219.085	5.391.547.393	13.478.116.690	2.767.977.863.863
Tăng trong kỳ	128.204.803.464	37.875.207.786	6.677.048.110	622.331.150	1.139.115.401	174.518.505.911
Khấu hao trong kỳ	128.204.803.464	37.875.207.786	6.677.048.110	622.331.150	1.139.115.401	174.518.505.911
Giảm trong kỳ	-	-	1.201.157.509	31.647.060	-	1.232.804.569
Thanh lý nhượng bán	-	-	563.365.910	-	-	563.365.910
Giảm khác	-	-	637.791.599	31.647.060	-	669.438.659
Số dư tại 30/6/2019	2.136.544.986.151	675.097.005.794	109.022.109.686	5.982.231.483	14.617.232.091	2.941.263.565.205
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	3.650.778.071.700	638.191.238.085	49.673.969.039	3.493.317.210	8.560.768.649	4.350.697.364.683
Tại ngày 30/6/2019	3.549.050.782.436	602.288.403.741	45.065.375.930	2.938.734.960	8.720.101.818	4.208.063.398.885

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2019 là 1.886.883.562.242 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 2.021.011.962.247 VND)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2019 là 1.043.046.626.648 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 953.752.234.854 VND)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại 30/6/2019 với giá trị 1.136.127.104 VND (tại ngày 01/01/2019 là 546.792.857 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	2.116.041.102.296	1.791.795.808	268.097.863.806	2.385.930.761.910
Tăng trong kỳ	11.550.839.426	-	-	11.550.839.426
Mua trong kỳ	11.550.839.426	-	-	11.550.839.426
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	<u>2.127.591.941.722</u>	<u>1.791.795.808</u>	<u>268.097.863.806</u>	<u>2.397.481.601.336</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	294.449.452.717	1.584.852.383	41.881.406.984	337.915.712.084
Tăng trong kỳ	22.984.255.195	47.846.250	2.627.332.939	25.659.434.384
Khấu hao trong kỳ	22.984.255.195	47.846.250	2.627.332.939	25.659.434.384
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	<u>317.433.707.912</u>	<u>1.632.698.633</u>	<u>44.508.739.923</u>	<u>363.575.146.468</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	<u>1.821.591.649.579</u>	<u>206.943.425</u>	<u>226.216.456.822</u>	<u>2.048.015.049.826</u>
Tại 30/6/2019	<u>1.810.158.233.810</u>	<u>159.097.175</u>	<u>223.589.123.883</u>	<u>2.033.906.454.868</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2019 là 1.275.499.433.875 VND (tại ngày 01/01/2019 là 1.292.137.397.835 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 817.666.408 VND. (tại ngày 01/01/2019 là 817.666.408 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Stt	Quyền sử dụng đất sử dụng để làm	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Nguyên giá (VND)	Thời hạn
1	Văn phòng Tổng công ty	Tại số 151 Ter. Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3,	358,00	515.419.200	50 năm
2	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	Tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.093.931,00	43.608.615.335	Đến năm 2053
3	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	Tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582.751,00	91.520.425.736	Đến năm 2052
4	Nhà máy thủy điện Đak mi 3	Tại huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1.960.484,00	60.157.388.095	Đến năm 2059
5	Khu công nghiệp Phú Mỹ II và Phú Mỹ II mở rộng	Tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	9.999.171,00	1.381.738.373.767	Đến năm 2058
6	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.918.700,00	56.648.720.923	Đến năm 2048
7	Khu công nghiệp Kim Hoa	Tại phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	500.000,00	36.518.318.431	Đến năm 2053
8	Cửa hàng xăng dầu IDICO	Tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	510,10	338.905.900	Đến năm 2043
9	Lòng hồ, đường dây thủy điện Srok Phu Miêng	Các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp tỉnh Bình Phước	16.460.789,00	211.693.560.591	Đến năm 2057
10	Khu đầu mối thủy điện Srok Phu Miêng	Tại xã Long Bình, huyện Phú Riềng và xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	753.592,00	3.005.563.951	Đến năm 2057
11	Trụ sở IDICO - LINCO	Tại số 88, QL1 (tuyến tránh), phường 6, TP. Tân An, tỉnh	920,50	2.671.039.898	Lâu dài
12	Trụ IDICO - CONAC	Tại số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, TP. Vũng Tàu,	8.137,00	51.344.488.700	Lâu dài
13	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.121.607,40	226.997.454	Đến năm 2062
14	Trụ sở IDICO - INCO	Tại số G14, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80,40	2.389.054.000	Lâu dài
15	Trụ sở IDICO - INCO 10	Tại số 1A, Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	685,60	6.910.848.000	Lâu dài
16	Khu công nghiệp Quế Võ II Cộng	Tại xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.195.524,10	178.304.221.741	Đến năm 2057
			43.597.241,10	2.127.591.941.722	

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu kỳ (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Nguyên giá	164.020.056.397	-	-	164.020.056.397
Nhà cửa vật kiến trúc	147.973.689.424	-	-	147.973.689.424
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	24.655.758.932	3.399.888.992	-	28.055.647.924
Nhà cửa vật kiến trúc	16.298.708.452	2.960.359.946	-	19.259.068.398
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	4.262.249.664	237.566.944	-	4.499.816.608
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	4.094.800.816	201.962.102	-	4.296.762.918
Giá trị còn lại	139.364.297.465	-	3.399.888.992	135.964.408.473
Nhà cửa vật kiến trúc	131.674.980.972	-	2.960.359.946	128.714.621.026
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	4.276.205.002	-	237.566.944	4.038.638.058
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	3.413.111.491	-	201.962.102	3.211.149.389

5.13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Các dự án đang thực hiện	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND (trình bày lại)
Khu công nghiệp Hữu Thạnh	1.660.583.897.191	1.256.233.187.509
Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng	369.436.704.329	307.943.888.960
Khu công nghiệp Quế Võ II	122.008.376.217	144.982.596.565
Khu công nghiệp Cầu Ngàn	130.554.264.428	106.749.763.539
Cầu vượt nút giao Quốc lộ 1, Lê Trọng Tấn	130.804.280.345	99.413.807.493
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, thành phố Hồ Chí Minh	107.189.886.783	94.126.934.601
Khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	93.916.222.748	88.739.571.190
Khu công nghiệp Phú Mỹ II	83.328.970.327	73.640.051.836
Khu tái định cư khu công nghiệp Hữu Thạnh	50.655.176.583	45.993.002.999
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	34.804.840.842	34.734.189.859
Khu dân cư nhà ở công nhân khu công nghiệp Hữu Thạnh	72.045.487.766	32.501.920.574
Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	18.031.365.235	17.098.810.422
Cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	16.586.679.505	16.586.679.505
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	11.884.992.894	10.201.395.158
Cảng khu công nghiệp Mỹ Xuân A	47.246.981.581	9.458.257.640
Khu dân cư trung tâm phường 6	5.616.907.393	5.588.159.755
Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	2.500.000.000	2.500.000.000
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A mở rộng	2.885.154.526	2.249.247.937
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	5.153.993.780	5.153.993.780
Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	4.278.168.514	4.278.168.514
Dự án mỏ sét Long An	5.498.709.552	5.498.709.552
Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Phú Mỹ II	844.762.862	844.762.862
Các dự án khác	33.100.083.537	20.989.795.798
Cộng	3.008.955.906.938	2.385.506.896.048

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
DAK MI JSC (*)	379.771.657.384	379.771.657.384
PFG	265.800.000.000	265.800.000.000
BVEC	111.006.799.620	104.051.640.755
LAMA IDICO	24.547.735.029	27.186.829.601
SONG HONG 1, JSC (*)	14.178.357.304	14.178.503.767
IDTT	22.950.000.000	4.500.000.000
Cộng	818.254.549.337	795.488.631.507

Tại ngày 30/6/2019, chi tiết các khoản đầu tư Liên doanh, liên kết như sau:

Đối tượng	Tỷ lệ góp vốn (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
DAK MI JSC (*)	26,00%	26,00%	Sản xuất điện
PFG	30,00%	30,00%	Sản xuất kinh sử
BVEC	49,00%	49,00%	Giao thông, vật liệu xây dựng
LAMA IDICO	20,13%	30,13%	Gia công cơ khí, lắp đặt thiết bị
SONG HONG 1, JSC (*)	34,85%	34,85%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
IDTT	30,00%	30,00%	Thị công công trình dân dụng và khu công nghiệp, kinh doanh dự án

(*) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 chưa thu thập được Báo cáo tài chính của DAK MI JSC, SONG HONG 1, JSC. Theo đó, chúng tôi chưa hợp nhất số liệu liên quan đến hai công ty nói trên.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a –DN/HN

5.15 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đối tượng đầu tư	30/6/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
		Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
1	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	770.000	8.393.000.000	-	770.000	8.393.000.000	-
2	Tổng công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp dầu khí LONG SƠN	7.064.103	32.553.016.000	(1.357.950.000)	7.064.103	32.553.016.000	(8.497.587.730)
3	Trường Đại học Công nghiệp Vinh	1.000.000	10.217.858.042	-	1.000.000	10.217.858.042	-
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam	311.940	3.119.400.000	-	311.940	3.119.400.000	-
5	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp	135.000	2.951.688.000	-	135.000	2.951.688.000	-
6	Công ty cổ phần Đầu tư Đồng	1.395.000	14.470.722.442	-	1.395.000	14.470.722.442	-
7	Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	2.241.328	25.573.734.700	-	2.241.328	25.573.734.700	-
8	Công ty cổ phần Khai thác Hạnh	-	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-
9	Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	-	112.840.600	-	-	112.840.600	-
Cộng			104.142.259.784	(1.357.950.000)		104.142.259.784	(8.497.587.730)

Tại ngày Báo cáo, đối với các Công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/6/2019 (bao gồm cả sản chứng khoán chưa chính thức UPCOM); Đối với các Công ty chưa niêm yết, giá trị hợp lý không được xác định do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.16 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - SHP	54.392.835.500	54.392.835.500
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - IDI	57.655.374.376	57.655.374.376
Cộng	112.048.209.876	112.048.209.876
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	88.996.212.927	79.886.928.255
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	4.526.225.806	9.109.284.672
Lợi thế thương mại còn phân bổ	18.525.771.143	23.051.996.949

Lợi thế thương mại đầu tư vào IDICO - SHP đã được phân bổ hết trong kỳ với giá trị là 1.643.457.087 đồng.

5.17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	241.668.547.069	241.668.547.069	245.164.408.640	245.164.408.640
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	48.220.826.750	48.220.826.750	49.297.989.100	49.297.989.100
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt	7.322.898.488	7.322.898.488	13.833.907.599	13.833.907.599
Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	4.352.340.169	4.352.340.169	4.443.683.921	4.443.683.921
Công ty cổ phần Sông Đà 10	3.325.852.067	3.325.852.067	3.325.852.067	3.325.852.067
Công ty TNHH Thành Thuận Tiến	6.450.016.712	6.450.016.712	10.037.513.055	10.037.513.055
Công ty cổ phần Cơ khí và xây dựng Nam Thành An	6.019.369.398	6.019.369.398	4.078.197.250	4.078.197.250
Công ty cổ phần Cơ giới & xây lắp số 9	10.565.576.932	10.565.576.932	10.565.576.932	10.565.576.932
Các đối tượng còn lại	155.411.666.553	155.411.666.553	149.581.688.716	149.581.688.716
b. Dài hạn	295.079.246	295.079.246	295.079.246	295.079.246
Các đối tượng còn lại	295.079.246	295.079.246	295.079.246	295.079.246
Cộng	241.963.626.315	241.963.626.315	245.459.487.886	245.459.487.886
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	1.755.310.806	1.755.310.806	1.905.932.384	1.905.932.384

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a –DN/HN

5.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Phải nộp	53.543.869.725	246.712.850.425	258.409.803.653	41.846.916.497
Thuế GTGT	12.800.803.429	191.361.424.773	193.813.135.635	10.349.092.567
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.270.700	27.270.700	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.425.058.432	22.457.735.382	29.367.057.606	12.515.736.208
Thuế thu nhập cá nhân	2.310.459.789	6.365.951.105	7.681.970.637	994.440.257
Thuế tài nguyên	3.059.390.098	16.286.317.794	17.341.184.719	2.004.523.173
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.294.462.128	3.663.284.145	2.676.792.898	2.280.953.375
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.653.695.849	6.550.866.526	7.502.391.458	13.702.170.917
Phải thu	3.589.912.976	6.867.818.904	4.889.255.365	1.611.349.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.454.998.638	6.780.773.225	4.837.149.653	1.511.375.066
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	81.766.525	81.766.525	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	53.147.813	5.279.154	52.105.712	99.974.371

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND (trình bày lại)
a) Ngắn hạn	20.768.280.411	28.562.376.482
Chi phí lãi vay dự trả - Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	9.951.357.155	11.020.818.290
Chi phí lãi vay dự trả - Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng	2.265.046.382	2.336.575.243
Chi phí lãi vay dự trả - Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ II	748.387.558	754.530.808
Chi phí lãi vay dự trả - Khu công nghiệp Phú Trích trước chi phí thuê tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	229.222.828 1.420.092.463	319.926.633 3.229.324.082
Chi phí công trình mở rộng Quốc lộ 1A Km 848 +875 - Km 890 +200	1.069.912.441	1.069.912.441
Chi phí khối A, B, C - dự án khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO	987.896.597	987.896.597
Chi phí dịch vụ bàn giao khi IDICO chuyển thành công ty cổ phần	270.000.000	270.000.000
Chi phí phải trả khác	3.826.364.987	8.573.392.388
b) Dài hạn	1.143.116.899	1.143.116.899
Chi phí phải trả dài hạn khác	1.143.116.899	1.143.116.899
Cộng	21.911.397.310	29.705.493.381

5.20 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND (trình bày lại)
a) Ngắn hạn	497.014.948.767	353.179.139.340
Kinh phí công đoàn	2.144.950.751	1.314.340.828
Bảo hiểm xã hội	2.967.415.937	1.956.688.704
Bảo hiểm y tế	38.097.664	44.948.674
Bảo hiểm thất nghiệp	16.958.665	23.787.801
Phải trả về cổ phần hoá (*)	232.565.326.261	237.919.227.859
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.970.447.612	21.765.908.448
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	166.077.453.300	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	57.234.298.577	90.154.237.026
b) Dài hạn	135.457.989.410	156.354.680.532
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.551.300.000	2.775.000.000
Khách hàng góp vốn khu dân cư phường 6 mở rộng, tỉnh Long An	120.727.995.874	143.234.849.774
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.178.693.536	10.344.830.758
Cộng	632.472.938.177	509.533.819.872

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.20 PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND (trình bày lại)
Kinh phí bảo trì khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO	15.172.113.668	15.037.775.150
Trích trước thuế GTGT phải nộp của doanh thu bán điện tại chi nhánh Tổng công ty IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mít 3	976.399.027	3.085.784.617
Đền bù các hộ dân quận 7 và Nhà Bè Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	2.007.375.652	2.007.375.652
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	11.206.640.000	11.206.640.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.326.378.620	2.282.110.076
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.365.145.833	1.584.444.445
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án phường 6, mở rộng	1.648.814.900	3.857.214.611
Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	3.653.951.000	3.653.951.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.013.626.447	1.013.626.447
Cộng	57.234.298.577	90.154.237.026

(*) Theo Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, vốn điều lệ của Tổng công ty khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 VND. Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng đủ số vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND, phần giá trị còn lại được kết chuyển thành khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	446.866.783.470	446.866.783.470	463.430.338.784	521.449.787.602	504.886.232.288	504.886.232.288
a1. Vay ngắn hạn (*)	176.232.180.905	176.232.180.905	345.488.338.784	352.447.055.726	183.190.897.847	183.190.897.847
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	448.314.500	448.314.500	-	423.685.500	872.000.000	872.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.970.892.592	10.970.892.592	10.970.892.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	111.446.373.125	111.446.373.125	241.765.088.824	253.776.359.424	123.457.643.725	123.457.643.725
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	17.510.170.218	17.510.170.218	18.678.926.325	23.992.436.023	22.823.679.916	22.823.679.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	7.080.325.556	7.080.325.556	4.079.323.716	2.008.631.379	5.009.633.219	5.009.633.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	9.972.179.014	9.972.179.014	9.972.179.014	6.986.100.196	6.986.100.196	6.986.100.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	11.828.752.492	11.828.752.492	20.741.404.905	20.055.927.393	11.143.274.980	11.143.274.980
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	1.232.432.000	1.232.432.000	1.232.432.000	1.927.673.219	1.927.673.219	1.927.673.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	11.713.634.000	11.713.634.000	49.018.984.000	37.305.350.000	-	-

(*) Vay ngắn hạn của Tổng công ty phản ánh các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã sử dụng các tài sản cố định hữu hình và vô hình để thế chấp cho khoản vay này. Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 5,4%/năm đến 9,5%/năm tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tổng công ty và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 3 tháng đến 12 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTPC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2. Nợ dài hạn đến hạn trả	270.634.602.565	270.634.602.565	117.942.000.000	169.002.731.876	321.695.334.441	321.695.334.441
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	46.444.000.000	46.444.000.000	23.222.000.000	11.000.000.000	34.222.000.000	34.222.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	92.218.428.429	92.218.428.429	28.000.000.000	69.700.000.000	133.918.428.429	133.918.428.429
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	11.040.000.000	11.040.000.000	6.720.000.000	9.622.243.000	13.942.243.000	13.942.243.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ngãi	694.753.124	694.753.124	-	680.054.876	1.374.808.000	1.374.808.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	32.000.000.000	32.000.000.000	-	8.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	587.195.012	587.195.012	-	2.000.000.000	2.587.195.012	2.587.195.012
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Long An	7.300.000.000	7.300.000.000	-	7.300.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	350.226.000	350.226.000	-	700.434.000	1.050.660.000	1.050.660.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.292.937.150.621	2.292.937.150.621	114.347.839.616	198.442.000.000	2.377.031.311.005	2.377.031.311.005
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	297.964.117.668	297.964.117.668	76.739.117.668	23.222.000.000	244.447.000.000	244.447.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	146.427.939.855	146.427.939.855	-	28.000.000.000	174.427.939.855	174.427.939.855
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	720.246.251.115	720.246.251.115	-	60.000.000.000	780.246.251.115	780.246.251.115
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	11.026.597.466	11.026.597.466	6.462.624.000	6.720.000.000	11.283.973.466	11.283.973.466
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.216.383.000	1.216.383.000	-	-	1.216.383.000	1.216.383.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Tp.HCM	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.052.055.861.517	1.052.055.861.517	31.146.097.948	80.500.000.000	1.101.409.763.569	1.101.409.763.569
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Long An	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
Cộng	2.739.803.934.091	2.739.803.934.091	577.778.178.400	719.891.787.602	2.881.917.543.293	2.881.917.543.293

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Thời hạn	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
	Trả nợ gốc	Trả nợ gốc
Trong vòng 1 năm	416.878.602.565	467.939.334.441
Trong năm thứ hai	694.694.223.466	694.505.383.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.451.998.927.155	1.536.281.928.005

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Phân loại các khoản vay dài hạn**

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Số dư vay bằng VND	2.563.571.753.186	2.698.726.645.446
	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Tín chấp	61.735.772.097	6.897.088.429
Bảo đảm bằng tài sản của TCT	2.501.835.981.089	2.691.829.557.017
	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Vay theo lãi suất thả nổi	2.542.253.324.757	2.656.208.217.017
Vay theo lãi suất ưu đãi	21.318.428.429	42.518.428.429

Lãi suất vay thả nổi từ 10%/năm đến 10,69%/năm

5.22 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	190.624.097.900	144.114.522.195
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp	189.262.798.662	126.936.775.298
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.361.299.238	17.177.746.897
b) Dài hạn	5.662.756.676.711	5.441.527.144.501
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp:	5.662.622.971.457	5.441.391.247.357
- Khu công nghiệp Phú Mỹ II	1.416.933.117.880	1.438.112.196.650
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	1.361.061.060.702	1.332.599.350.544
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	826.219.577.739	841.140.033.620
- Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng	195.599.366.929	195.246.290.457
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	232.168.412.139	232.168.412.139
- Khu công nghiệp Kim Hoa	116.181.372.184	116.181.372.184
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	1.053.604.794.141	872.844.645.675
- Khu công nghiệp Quê Võ II	460.855.269.743	413.098.946.088
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	133.705.254	135.897.144
Cộng	5.853.380.774.611	5.585.641.666.696

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	14.913.578.774	23.664.403.455
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng	1.063.713.430	8.320.538.111
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án ngắn hạn theo dự toán	13.849.865.344	13.849.865.344
Các khoản khác	-	1.494.000.000
Dài hạn	175.344.079.245	156.388.264.435
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án dài hạn theo dự toán	173.499.413.152	154.499.413.152
Các khoản khác	1.844.666.093	1.888.851.283
Cộng	190.257.658.019	180.052.667.890

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/3/2018	3.000.000.000.000	42.657.878.636	4.182.289.158	(57.869.378.197)	6.124	85.816.495.178	354.181.005.434	566.334.352.623	3.428.968.296.333
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	88.806.078.094	232.791.608.630	366.941.344.944	688.539.031.668
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	232.612.344.363	115.654.048.824	348.266.393.187
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	88.806.078.094	-	-	88.806.078.094
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	-	-	179.264.267	-	179.264.267
Tăng do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	251.287.296.120	251.287.296.120
Giảm trong kỳ	-	-	1.433.729.175	1.427.274.831	6.124	1.128.677.590	272.184.952.538	200.258.850.830	476.433.491.088
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	88.806.078.094	78.555.661.028	167.361.739.122
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	14.619.214.750	13.138.195.802	27.757.410.552
Giảm do điều chỉnh hợp nhất	-	-	1.433.729.175	1.427.274.831	-	1.128.677.590	168.263.659.694	-	172.253.341.290
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	108.564.994.000	108.564.994.000
Giảm khác	-	-	-	-	6.124	-	496.000.000	-	496.006.124
Số dư tại 31/12/2018	3.000.000.000.000	42.657.878.636	2.748.559.983	(59.296.653.028)	-	173.493.895.682	314.787.661.526	733.016.846.737	4.207.408.189.536

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	3.000.000.000.000	42.657.878.636	2.748.559.983	(59.296.653.028)	-	173.493.895.682	314.787.661.526	733.016.846.737	4.207.408.189.536
Tăng trong kỳ	-	36.248.244	-	-	-	37.213.625.522	128.462.443.399	54.797.472.803	220.509.789.968
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	128.462.443.399	54.797.472.803	183.259.916.202
Điều chỉnh theo Báo cáo KTNN khu vực IV ngày 04/3/2019	-	36.248.244	-	-	-	-	-	-	36.248.244
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	37.213.625.522	-	-	37.213.625.522
Giảm trong kỳ	-	797.453.033	-	2.084.567.319	-	-	268.832.318.120	59.097.983.830	330.812.322.302
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	196.750.755.200	42.088.284.800	238.839.040.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	-	37.213.625.522	-	37.213.625.522
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	34.526.811.207	17.009.699.030	51.536.510.237
Giảm do điều chỉnh hợp nhất	-	797.453.033	-	2.084.567.319	-	-	341.126.191	-	3.223.146.543
Số dư tại 30/6/2019	3.000.000.000.000	41.896.673.847	2.748.559.983	(61.381.220.347)	-	210.707.521.204	174.417.786.805	728.716.335.710	4.097.105.657.202

(*) Phân phối lợi nhuận trong kỳ của Tổng công ty và các công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Bộ Xây dựng	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO	675.000.000.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	675.000.000.000	675.000.000.000
Các cổ đông khác	570.000.000.000	570.000.000.000
Tổng	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.25 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Từ ngày 31 tháng 12		
Vốn điều lệ của các công ty con	1.584.992.000.000	1.584.992.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	1.093.375.810.000	1.093.375.810.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	491.616.190.000	491.616.190.000
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông không kiểm soát	491.616.190.000	491.616.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.421.422.800	12.421.422.800
Vốn khác của chủ sở hữu	2.090.885.410	2.090.885.410
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	36.849.040.968	74.710.551.132
Quỹ đầu tư phát triển	185.738.796.532	152.177.797.395
Cộng	728.716.335.710	733.016.846.737

5.26 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	Kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
	VND	VND (trình bày lại)
Doanh thu kinh doanh điện	1.415.961.066.934	979.697.986.053
Doanh thu xây lắp	158.122.030.896	160.969.506.340
Doanh thu thu phí đường bộ	184.880.304.582	129.121.763.635
Doanh thu kinh doanh bất động sản	52.222.661.534	43.677.637.419
Doanh thu dịch vụ khu công nghiệp	312.524.517.268	230.554.040.935
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	165.925.922.031	68.731.938.561
Các khoản giảm trừ doanh thu	449.253.627	16.764.471
Giảm giá hàng bán	449.253.627	16.764.471
Cộng	2.289.187.249.618	1.612.736.108.472
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	20.936.583.490	5.970.878.370

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND (trình bày lại)
Giá vốn kinh doanh điện	1.321.366.543.744	890.536.266.137
Giá vốn xây lắp	148.593.365.761	143.582.431.699
Giá vốn thu phí đường bộ	86.641.620.425	62.752.722.820
Giá vốn kinh doanh bất động sản	22.827.194.369	21.477.748.973
Giá vốn dịch vụ khu công nghiệp	206.533.467.432	155.293.897.415
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	136.284.340.257	60.736.626.549
Cộng	1.922.246.531.988	1.334.379.693.593

5.28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.614.740.178	51.309.264.794
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.080.041.000	162.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.348	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.798.044.067	1.748.602.550
Cộng	66.492.835.593	53.219.867.344

5.29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	105.287.899.359	84.311.859.828
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(8.146.795.730)	-
Chi phí tài chính khác	63.636.364	-
Cộng	97.204.739.993	84.311.859.828

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	21.891.441.087	13.509.858.103
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.439.212.277	2.748.969.294
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1.016.879.459	1.545.342.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.617.778.195	1.599.587.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.459.749.692	1.881.464.927
Chi phí bằng tiền khác	2.772.047.990	1.281.084.382
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	4.000.574.306	4.587.785.342
Cộng	43.197.683.006	27.154.092.286

5.31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND (trình bày lại)
Chi phí nhân viên quản lý	43.021.982.358	27.386.041.513
Chi phí vật liệu quản lý	1.945.140.812	1.706.171.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.305.836.693	1.155.875.711
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	11.418.822.528	8.548.841.650
Thuế phí và lệ phí	2.146.735.961	2.437.137.258
Chi phí dự phòng	(2.560.369.985)	(334.679.409)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.981.720.551	4.557.570.710
Chi phí bằng tiền khác	27.053.461.865	17.665.762.778
Cộng	89.313.330.783	63.122.721.928

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.32 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	185.015.001	1.719.160.777
Thu bồi thường tổn thất tài sản	1.393.402.206	-
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Tân Phú	2.159.142.209	-
Các khoản khác	6.856.029.476	1.515.614.695
Cộng	10.593.588.892	3.234.775.472
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	4.772.727
Nộp thuế theo Quyết định của Cục thuế	544.644.724	-
Lãi chậm nộp	851.637.233	-
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Tân Phú	2.158.573.608	-
Các khoản khác	2.668.528.449	1.095.278.882
Cộng	6.223.384.014	1.100.051.609
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	4.370.204.878	2.134.723.863

5.33 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
IDICO - SHP	2.720.716.104	5.771.783.585
IDICO - UDICO	6.445.297.997	4.275.363.663
IDICO - URBIZ	6.972.844.087	3.880.504.171
IDICO - CONAC	4.341.340.384	2.848.623.477
IDICO - IDI	1.843.773.872	1.220.201.492
IDICO - INCON	150.030.727	178.897.760
IDICO - ICC	486.830.939	176.642.522
IDICO - LINCO	2.804.842.512	-
IDICO	3.472.831.985	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.238.508.607	18.352.016.670

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

5.34 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	128.462.443.399	96.588.602.225
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.462.443.399	96.588.602.225
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	428	322

5.35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ hoạt động 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.953.555.823	169.914.333.339
Chi phí nhân công	158.243.678.551	83.056.201.556
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	208.104.055.093	145.132.375.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.422.403.908.416	892.602.192.514
Chi phí khác bằng tiền	89.051.705.639	74.315.877.913
Cộng	2.181.756.903.522	1.365.020.980.469

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi trả lãi vay trong kỳ không bao gồm số tiền 13.194.013.923 VND liên quan đến chi trả lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền cổ tức phải trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền 166.077.453.300 VND liên quan đến khoản cổ tức phải chi trả cho chủ sở hữu phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận chưa được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 37.815.794.421 VND liên quan đến lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận chưa được chia trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a – DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

a) Danh sách các bên liên quan:

<u>Stt Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tên giao dịch</u>
1 Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	Công ty liên kết	ĐAK MI JSC
2 Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty liên kết	PHG
3 Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
4 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
5 Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty liên kết	SONG HONG 1, JSC
6 Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp và Đô thị Thủ thừa IDICO – CONAC	Công ty liên kết	IDTT
7 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	Đầu tư khác	CUONG THUAN IDICO

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a –DN/HN

b) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Bên liên quan	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
		(trình bày lại)
Phải thu khách hàng	6.421.359.074	2.114.780.629
PFG	20.619.375	13.768.125
LAMA IDICO	627.873.948	313.222.726
IDTT	43.654.000	19.875.000
CUONG THUAN IDICO	5.729.211.751	1.767.914.778
Phải thu cho vay ngắn hạn	196.838.686.665	119.237.790.667
DAK MI JSC	196.838.686.665	119.237.790.667
Phải thu khác ngắn hạn	14.689.225.395	8.426.743.279
DAK MI JSC	13.225.540.515	6.963.058.399
SONG HONG 1, JSC	1.463.684.880	1.463.684.880
		01/01/2019
	30/6/2019	VND
Bên liên quan	VND	(trình bày lại)
Phải trả người bán ngắn hạn	1.755.310.806	1.905.932.384
LAMA IDICO	1.755.310.806	1.905.932.384
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.203.730.046	28.217.796.070
PFG	3.733.489.484	8.560.000.000
CUONG THUAN IDICO	9.470.240.562	19.657.796.070



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a –DN/HN

c) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND (trình bày lại)
Bán hàng		20.936.583.490	5.970.878.370
PFG	Xây lắp	14.056.980.470	4.847.466.000
	Dịch vụ	1.451.586.610	289.158.628
LAMA IDICO	Cung cấp nước	396.265.366	-
	Cung cấp điện	868.271.146	713.800.639
	Xăng dầu	71.059.923	-
CUONG THUAN IDICO	Xây lắp	3.601.179.066	120.453.103
IDTT	Cung cấp dịch vụ	107.604.545	-
	Thanh lý xe	383.636.364	-
		-	14.708.325.384
Mua hàng			
LAMA IDICO	Mua vật tư	-	410.000.000
	Thay thế thiết bị	-	14.102.725.384
	Sửa chữa tài sản	-	145.600.000
	Mua thép	-	50.000.000
		6.613.909.886	4.677.970.219
Lãi cho vay			
DAK MI JSC	Lãi cho vay	6.613.909.886	4.677.970.219
Cho vay			
DAK MI JSC	Cho vay	102.600.895.998	97.802.966.431
			97.802.966.431

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a –DN/HN

d) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu về trả lương và thù lao với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động	Kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND (trình bày lại)
Hội đồng quản trị	Thu nhập tiền lương và thù lao	1.054.075.000	760.000.000
Ban Tổng giám đốc và người quản lý	Thu nhập tiền lương và thù lao	3.713.441.000	2.023.091.000
Ban kiểm soát Cộng	Thu nhập tiền lương và thù lao	778.695.000	346.000.000
		5.546.211.000	3.129.091.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.20, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	577.221.232.565	742.830.344.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	782.467.352.866	728.442.847.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.254.562.451.922	1.533.062.296.507
Đầu tư tài chính dài hạn khác	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.615.091.037.353	3.005.175.487.882
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.739.803.934.091	2.881.917.543.293
Phải trả người bán và phải trả khác	874.436.564.492	754.993.307.758
Chi phí phải trả	21.911.397.310	29.705.493.381
Cộng	3.636.151.895.893	3.666.616.344.432

Các loại công cụ tài chính

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 30/6/2019, Tổng công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Tổng công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính với giá trị là 22.819.395.256 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 25.379.765.241 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại 30/6/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	738.683.495.836	135.753.068.656	874.436.564.492
Chi phí phải trả	20.768.280.411	1.143.116.899	21.911.397.310
Các khoản vay	446.866.783.470	2.292.937.150.621	2.739.803.934.091
Cộng	1.206.318.559.717	2.429.833.336.176	3.636.151.895.893

Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	598.343.547.980	156.649.759.778	754.993.307.758
Chi phí phải trả	28.562.376.482	1.143.116.899	29.705.493.381
Các khoản vay	504.886.232.288	2.377.031.311.005	2.881.917.543.293
Cộng	1.131.792.156.750	2.534.824.187.682	3.666.616.344.432

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 30/6/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	577.221.232.565	-	577.221.232.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	745.246.519.298	37.220.833.568	782.467.352.866
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.254.562.451.922	-	1.254.562.451.922
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.577.030.203.785	38.060.833.568	2.615.091.037.353

Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.830.344.143	-	742.830.344.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	701.738.105.244	26.704.741.988	728.442.847.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.533.062.296.507	-	1.533.062.296.507
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.977.630.745.894	27.544.741.988	3.005.175.487.882

7.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Tổng Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Tổng Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho kỳ kế toán 4 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 và 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 như sau:

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 04 tháng kết thúc ngày 30/6/2018**

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng (trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	979.697.986.053	160.969.506.340	230.554.040.935	129.121.763.635	112.392.811.509	1.612.736.108.472
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	890.536.266.137	143.582.431.699	155.293.897.415	62.752.722.820	82.214.375.522	1.334.379.693.593
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	53.219.867.344
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	84.311.859.828
Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	10.889.042.776
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	27.154.092.286
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	63.122.721.928
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	3.234.775.472
Chi phí khác	-	-	-	-	-	1.100.051.609
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	170.011.374.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	18.352.016.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	(2.177.808.556)
Lợi nhuận trong kỳ						153.837.166.706

b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.415.961.066.934	158.122.030.896	312.524.517.268	184.880.304.582	217.699.329.938	2.289.187.249.618
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.321.366.543.744	148.593.365.761	206.533.467.432	86.641.620.425	159.111.534.626	1.922.246.531.988
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	66.492.835.593
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	97.204.739.993
Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	8.663.913.022
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	43.197.683.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	89.313.330.783
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	10.593.588.892
Chi phí khác	-	-	-	-	-	6.223.384.014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	216.751.917.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	29.238.508.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	4.253.492.532
Lợi nhuận trong kỳ						183.259.916.202

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a -DN/HN

7.4 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/3/2018 đến ngày 30/6/2018 thuộc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Đây là kỳ kế toán đầu tiên khi Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần nên số liệu so sánh chưa đồng nhất với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 đã được soát xét. Và một số khoản mục trên báo cáo tài chính trình bày lại cho phù hợp với số trình bày kỳ này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Mai Xuân Ngợi

Trần Thị Ngọc

Nguyễn Hồng Hải